

II. Tổng ôn 2

1. If you _____ into trouble, don't hesitate to ask for help.

A. get

B. got

C. had got

D. will get

Giải thích:

Chọn đáp án A

=> Về mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Nếu bạn gặp khó khăn, đừng ngần ngại yêu cầu sự giúp đỡ.

2. Cordila was washing her hair at 3pm yesterday. If she _____ her hair, she would have opened the door for you.

A. was not washing

B. had not been washing

C. did not wash

D. had not been washed

Giải thích:

Chọn đáp án B

=> Về mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed

=> câu điều kiện loại 3

=> Về If chia quá khứ hoàn thành tiếp diễn (hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ, mệnh đề if đưa ra một sự việc không có thật trong quá khứ)

Tạm dịch:

Cordila đang gội đầu lúc 3 giờ chiều hôm qua. Nếu chưa gội đầu, cô ấy đã mở cửa cho bạn.

3. If they _____ to a decision by midnight, the talks will be abandoned.

A. didn't come

B. are not coming

C. don't come

D. had not come

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại I

=> Về If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Nếu họ không đi đến quyết định trước nửa đêm, các cuộc đàm phán sẽ bị hủy bỏ.

4. Last week if you had followed my lead, you _____ lost.

A. wouldn't have got

B. wouldn't get

C. won't get

D. wouldn't have been got

Giải thích:

Chọn đáp án A

=> Về If chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Về mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Tuần trước nếu bạn đi theo hướng dẫn của tôi, bạn đã không bị lạc.

5. Unless the oil spill is contained, irreparable damage _____ to the coastline.

A. will do

B. would do

C. will be done

D. would have done

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về Unless chia hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại I

=> Về mệnh đề chính chia ở tương lai đơn (câu bị động)

Unless ~ If ... not

Tạm dịch:

Nếu tràn dầu không được ngăn chặn lại, thiệt hại với bờ biển sẽ không thể khắc phục được.

6. _____ what would happen, I wouldn't have got involved in the project.

A. Should I foresee

B. Had I foreseen

C. Had I foresee

D. Were I foreseen

Giải thích:

Chọn đáp án B

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 3

Had + S + V3, S + would/should/might have + V3

Tạm dịch:

Nếu tôi biết trước điều gì sẽ xảy ra, tôi sẽ không tham gia vào dự án.

7. Even if he gets accepted to Harvard, he _____ able to afford the tuition.

A. won't be

B. wouldn't be

C. isn't

D. wouldn't have been

Giải thích:

Chọn đáp án A

=> Về mệnh đề If chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về mệnh đề chính chia tương lai đơn

Tạm dịch:

Ngay cả khi được nhận vào Harvard, anh ấy sẽ không đủ khả năng chi trả học phí.

8. Only if the red light comes on _____ any danger to employees.

A. there is

B. were there

C. there were

D. is there

Giải thích:

Chọn đáp án D

Khi đặt Only if ở đầu câu, chủ từ và động từ trong mệnh đề chính phải được đảo ngược

Hành động xảy ra ở hiện tại => Loại B và C

Tạm dịch:

Chỉ khi đèn đỏ bật lên thì mới có nguy hiểm đe dọa nhân viên.

9. The shop can take goods back if they _____ still in mint condition.

A. will be

B. were

C. had been

D. are

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Về mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về If chia hiện tại đơn

In mint condition = mới hoặc như mới

Tạm dịch:

Cửa hàng có thể nhận lại hàng nếu chúng còn mới.

10. _____ ever in trouble, I'd do anything I could to help her

A. If she was

B. If she had been

C. Were she

D. Should she be

Giải thích:

Chọn đáp án C

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 2 (động từ trong mệnh đề chính - “d do” = would do)

Tạm dịch:

Nếu cô ấy gặp bất cứ khó khăn nào, tôi sẽ làm bất cứ điều gì có thể để giúp cô ấy.

11. If I had the choice, I _____ at thirty.

A. would retire

B. retired

C. will retire

D. would have retired

Giải thích:

Chọn đáp án A

=> Vế mệnh đề If chia quá khứ đơn

=> câu điều kiện loại 2

=> Vế chính chia would + V

Tạm dịch:

Nếu được lựa chọn, tôi sẽ nghỉ hưu ở tuổi ba mươi.

12. If you put a metal spoon in a cup of hot water, it _____ hot very quickly.

A. got

B. gets

C. would have got

D. would get

Giải thích:

Chọn đáp án B

=> Vế mệnh đề If chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Vế mệnh đề chính chia tương lai đơn

Tạm dịch:

Nếu bạn đặt một chiếc thìa kim loại vào một cốc nước nóng, chiếc thìa sẽ nóng lên rất nhanh.

13. If I had written the letter, I _____ it differently.

A. might be worded

B. might word

C. might have been worded

D. might have worded

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Vế If chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế mệnh đề chính chia might + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Nếu tôi viết bức thư, tôi có thể đã diễn đạt nó theo cách khác.

14. What would you do _____ to the airport on time?

A. if you couldn't get

B. if you couldn't have got

C. unless you could get

D. unless you could have got

Giải thích:

Chọn đáp án A

Không sử dụng unless trong câu hỏi

=> Vế mệnh đề chính chia would ('d) + V

=> câu điều kiện loại 2

=> Vế If chia quá khứ đơn (can => could)

Tạm dịch:

Bạn sẽ làm gì nếu không thể đến sân bay đúng giờ?

15. _____ earlier, they would have watched the sunset with us.

A. Did they return

B. If they returned

C. Had they returned

D. If they had been returned

Giải thích:

Chọn đáp án C

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

Tạm dịch:

Nếu họ trở về sớm hơn, họ sẽ cùng chúng tôi ngắm hoàng hôn.

16. _____ you that I didn't steal the diamond ring, would you believe me?

A. Were I telling

B. If I tell

C. Were I to tell

D. If I had told

Giải thích:

Chọn đáp án C

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 2

Were + S + to + V, S + would/could/might + V

Were + S, S + would/could/might + V

Tạm dịch:

Nếu tôi nói với anh rằng tôi không đánh cắp chiếc nhẫn kim cương, anh có tin tôi không?

17. I'll stay in Mexico _____ my money holds on.

A. as long as

B. but for

C. should

D. were

Giải thích:

Chọn đáp án A

As long as: miễn là

But for + noun, các đáp án C và D đều không phù hợp về ngữ pháp.

Tạm dịch:

Tôi sẽ ở lại Mexico chừng nào còn tiền.

18. I _____ some beautiful birds if I walk through a rainforest.

A. would see

B. will see

C. saw

D. would have seen

Giải thích:

Chọn đáp án B

=> Vế mệnh đề If chia ở hiện tại đơn
=> câu điều kiện loại 1
=> Vế mệnh đề chính chia tương lai đơn

Tạm dịch:

Tôi sẽ nhìn thấy một số loài chim đẹp nếu tôi đi bộ qua một khu rừng nhiệt đới.

19. _____ a home from Lovell, the company promises to buy it back at the same price after three years.

- A. Should you bought
- B. Should you buy**
- C. You should buy
- D. You should have bought

Giải thích:

Chọn đáp án B

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 1

Should + S + (not) V + Mệnh đề, S + will/should/may + V

Động từ trong mệnh đề chính ở hiện tại => câu điều kiện loại 1

Tạm dịch:

Nếu bạn mua nhà từ Lovell, công ty này hứa hẹn sẽ mua lại với giá tương tự sau ba năm.

20. Had it been a move to Paris or London, my parents _____ differently, I think.

A. might have felt

- B. may feel
- C. might feel
- D. might be felt

Giải thích:

Chọn đáp án A

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

=> Vế If (đảo ngữ) chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế mệnh đề chính chia might + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Tôi nghĩ nếu đó là việc chuyển đến Paris hoặc London, bố mẹ tôi có thể đã cảm thấy khác.

21. If everyone had followed it, the Government _____ itself facing a severe shortfall.

- A. would find
- B. will find
- C. would have found**
- D. is finding

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Vế If chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Nếu tất cả mọi người đều làm theo nó, Chính phủ sẽ thấy mình phải đối mặt với sự thiếu hụt nghiêm trọng.

22. You will finish the job much quicker if you _____ your back into it.

- A. had put
- B. have been put
- C. are put

D. put

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Vế mệnh đề chính chia ở tương lai đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Vế If chia hiện tại đơn (câu chủ động)

Put your back into sth = miệt mài, nỗ lực làm việc gì

Tạm dịch:

Bạn sẽ hoàn thành công việc nhanh hơn nhiều nếu bạn miệt mài làm việc.

23. Had she been wise she _____ the matching coffee cups.

- A. would have been bought

B. would have bought

- C. would buy

- D. would be bought

Giải thích:

Chọn đáp án B

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

=> Vế If (đảo ngữ) chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Nếu thông thái, cô ấy sẽ mua những tách cà phê phù hợp.

24. He _____ 96 if he were still alive today.

- A. will be

B. would be

- C. would have been

- D. is

Giải thích:

Chọn đáp án B

sự việc không có thật ở hiện tại

=> Vế mệnh đề If chia quá khứ đơn

=> câu điều kiện loại 2

=> Vế If chia would + V

Tạm dịch:

Ông ấy sẽ 96 tuổi nếu ông ấy vẫn còn sống đến ngày hôm nay.

25. You can use my car _____ that you return it tomorrow.

- A. so
- B. such
- C. providing**
- D. otherwise

Giải thích:

Chọn đáp án C

Provided/ Providing (that) có nghĩa tương tự "if" = nếu.

Cấu trúc: Provided/ Providing (that) + mệnh đề bỏ nghĩa, mệnh đề chính hoặc Mệnh đề chính + provided that + mệnh đề bỏ nghĩa.

Tạm dịch:

Anh có thể mượn xe của tôi miễn anh đem trả nó lại ngày mai.

III. Tổng ôn 3

1. Should he _____ the answer, he will answer you immediately.

- A. knew
- B. knows
- C. knowing

D. know

Giải thích:

Chọn đáp án D

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 1

Should + S + (not) V + Mệnh đề, S + will/should/may + V

Tạm dịch:

Nếu cậu ấy biết câu trả lời, cậu ấy sẽ trả lời bạn ngay lập tức.

2. They _____ there to help if you get stuck.

- A. would be
- B. would have been
- C. were

D. will be

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Về mệnh đề If chia ở hiện tại đơn

=> Câu điều kiện loại 1

=> Về mệnh đề chính chia ở tương lai đơn

Tạm dịch:

Họ sẽ ở đó để giúp đỡ nếu bạn gặp khó khăn.

3. If the police had shown up in time, there _____ a two-hour traffic jam.

- A. wouldn't be
- B. was

C. wouldn't have been

D. is

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về If chia quá khứ hoàn thành
=> câu điều kiện loại 3
=> Về mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed

Tạm dịch:

Nếu cảnh sát xuất hiện kịp thời, đã không xảy ra vụ tắc đường kéo dài hai giờ.

4. If the referee _____ a closer look, he would have seen a player who was fouled in last night's game.

A. were taken

B. had taken

C. was taking

D. took

Giải thích:

Chọn đáp án B

=> Về mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed

=> câu điều kiện loại 3

=> Về If chia quá khứ hoàn thành

Tạm dịch:

Nếu trọng tài để ý kỹ hơn thì sẽ thấy một cầu thủ đã bị phạm lỗi trong trận đấu đêm qua.

5. Jason _____ late providing that he starts out from the company.

A. would not be

B. will not be

C. wouldn't have not been

D. wouldn't have been

Giải thích:

Chọn đáp án B

Provided/ Providing (that) có nghĩa tương tự "if" = nếu.

Cấu trúc: Provided/ Providing (that) + mệnh đề bổ nghĩa, mệnh đề chính hoặc Mệnh đề chính + provided that + mệnh đề bổ nghĩa.

=> Về mệnh đề if chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 2

=> Về If chia tương lai đơn

Tạm dịch:

Jason sẽ không đến muộn nếu anh ấy bắt đầu đi từ công ty.

6. I'd like to open a window, unless anyone _____ any objections.

A. will have

B. had

C. is having

D. has

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Về mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại I

=> Về Unless chia hiện tại đơn

Unless ~ If ... not

Tạm dịch:

Tôi muốn mở một cửa sổ, trừ khi có ai đó phản đối.

7. Had my phone not suddenly shut down, I _____ able to answer your call.

A. would have been

B. would be

C. will be

D. would have

Giải thích:

Chọn đáp án A

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 3

Had + S + V3, S + would/should/might have + V3

Be able to = có thể

Tạm dịch:

Nếu điện thoại của tôi không đột ngột tắt, tôi đã có thể trả lời cuộc gọi của bạn.

8. He will show up sooner _____ congested.

A. unless the road is

B. if the road were not

C. unless the road were

D. if the road is not

Giải thích:

Chọn đáp án D

Sự việc trong mệnh đề if là nguyên nhân chính gây ra tình huống đang được nhắc đến => không sử dụng unless

=> Về mệnh đề chính chia ở tương lai đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Anh ấy sẽ xuất hiện sớm hơn nếu đường không bị tắc nghẽn.

9. Only if there was no card or a dud card _____ as evidence for prosecution.

A. the car would be photographed

B. the car would have been photographed

C. would the car have been photographed

D. would the car be photographed

Giải thích:

Chọn đáp án D

Khi trong câu có 2 mệnh đề thì dùng đảo ngữ ở mệnh đề thứ hai.

Mệnh đề only if chia ở quá khứ đơn => Mệnh đề chính chia would + V

Tạm dịch:

Chỉ khi không có thẻ hoặc thẻ dud, chiếc xe mới được chụp ảnh để làm bằng chứng truy tố.

10. _____ rich enough, I would start playing golf

- A. Should I be
- B. If I was
- C. Were I**
- D. If I had been

Giải thích:

Chọn đáp án C

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 2

Tạm dịch:

Nếu tôi đủ giàu, tôi sẽ bắt đầu chơi gôn.

11. If I don't get a pay rise I _____.

- A. am quitting
- B. would quit
- C. would have quit

D. will quit

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Về mệnh đề If chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về mệnh đề chính chia tương lai đơn

Tạm dịch:

Nếu tôi không được tăng lương, tôi sẽ nghỉ việc.

12. _____ a different matter I would of course have asked your permission.

- A. Were it
- B. If it were

C. Had it been

D. If it is

Giải thích:

Chọn đáp án C

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

=> Về mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed

=> câu điều kiện loại 3

=> Về If (đảo ngữ) chia quá khứ hoàn thành

Tạm dịch:

Nếu đó là một vấn đề khác, tất nhiên tôi đã xin phép bạn.

13. I'd keep away from him if I _____ you - he's no good.

- A. was
- B. will be
- C. were**
- D. have been

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về mệnh đề chính chia would ('d) + V

=> câu điều kiện loại 2

=> Về If chia quá khứ đơn (I, she, he, it + were)

Tạm dịch:

Tôi sẽ tránh xa anh ta nếu tôi là bạn - anh ta không tốt.

14. You have to hurry up, _____ you won't catch the train.

A. if

B. unless

C. otherwise

D. but

Giải thích:

Chọn đáp án C

Otherwise + real condition: kéo, nếu không thì.

Tạm dịch:

Bạn phải nhanh lên, nếu không bạn sẽ không bắt kịp được chuyến tàu.

15. If she _____ hard she's capable of great things.

A. work

B. worked

C. works

D. had worked

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Về If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Nếu cô ấy làm việc chăm chỉ, cô ấy có thể làm được những điều tuyệt vời.

16. If he _____ here I could explain to him myself.

A. was

B. has been

C. were

D. had been

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Về mệnh đề chính chia could + V

=> câu điều kiện loại 2

=> Về If chia quá khứ đơn (I, she, he, it + were)

Tạm dịch:

Nếu anh ấy ở đây, tôi có thể tự giải thích cho anh ấy.

17. Had we known about it earlier, we _____ people of the danger.

A. could be warned

B. could warn

C. could have been warned

D. could have warned

Giải thích:

Chọn đáp án D

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

=> Vế If (đảo ngữ) chia quá khứ hoàn thành

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế mệnh đề chính chia could + have + V3/V-ed (đây là câu chủ động)

Tạm dịch:

Nếu chúng tôi biết về nó sớm hơn, chúng tôi có thể đã có thể cảnh báo mọi người về mối nguy hiểm.

18. No one knows what society would be like if everyone _____ on the advice of those who openly advocate it.

A. acts

B. had acted

C. acted

D. will act

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Vế mệnh đề chính chia would + V

=> câu điều kiện loại 2

=> Vế If chia quá khứ đơn (I, she, he, it + were)

Tạm dịch:

Không ai biết xã hội sẽ ra sao nếu tất cả mọi người đều hành động theo lời khuyên của những người công khai bênh vực nó.

19. If you _____ by a dog, you have to make sure the wound is properly cleaned, or an infection could set in.

A. were bitten

B. had been bitten

C. are bitten

D. are biting

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Vế mệnh đề chính chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Vế If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Nếu bị chó cắn, bạn phải đảm bảo vết thương được làm sạch đúng cách, nếu không có thể bị nhiễm trùng.

20. If you _____ mindlessly, you will most likely overeat.

A. eat

B. ate

C. had eaten

D. eating

Giải thích:

Chọn đáp án A

=> Vế mệnh đề chính chia ở tương lai đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Vế If chia hiện tại đơn

Tạm dịch:

Nếu bạn ăn uống một cách không suy nghĩ, bạn rất có thể sẽ ăn quá nhiều.

21. _____ what the problem was, we could have addressed it.

A. If I knew

B. Should I be known

C. Unless I were known

D. Had I known

Giải thích:

Chọn đáp án D

Đảo ngữ trong câu điều kiện loại 3

Tạm dịch:

Nếu tôi biết vấn đề là gì, chúng tôi có thể đã giải quyết nó.

22. If she wins the case, it _____ one in the eye for George.

A. would be

B. was

C. will be

D. would have been

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Vế mệnh đề If chia ở hiện tại đơn

=> câu điều kiện loại 1

=> Vế mệnh đề chính chia tương lai đơn

Be one in the eye for sb = là nỗi thất vọng của ai đó, đánh bại ai đó.

Tạm dịch:

Nếu cô ấy thắng kiện, George sẽ rất thất vọng.

23. If I _____ one more drink, I would have passed out.

A. took

B. take

C. had taken

D. was taken

Giải thích:

Chọn đáp án C

=> Vế mệnh đề chính chia would + have + V3/V-ed

=> câu điều kiện loại 3

=> Vế If chia quá khứ hoàn thành

Tạm dịch:

Nếu tôi uống thêm một ly nữa thì tôi đã ngất đi.

24. If it _____ any ordinary paint you would need two coats.

A. has been

B. had been

C. was

D. were

Giải thích:

Chọn đáp án D

=> Về mệnh đề chính chia would ('d) + V

=> câu điều kiện loại 2

=> Về If chia quá khứ đơn (I, she, he, it + were)

Tạm dịch:

Nếu đó là bất kỳ loại sơn thông thường nào, bạn sẽ cần hai lớp sơn.

25. Were we to say nothing about it, _____ the problem that exists and the unrest in the community?

A. could we ignore

B. can we ignore

C. could we have ignored

D. can we have ignored

Giải thích:

Chọn đáp án A

Câu đảo ngữ với câu điều kiện loại 2

Were + S + to + V, S + would/could/might + V

Were + S, S + would/could/might + V

Tạm dịch:

Nếu chúng ta không nói gì về nó, liệu chúng ta có thể bỏ qua vấn đề đang tồn tại và tình trạng bất ổn trong cộng đồng?